TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **422**/2026/QĐST-DS	*Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 140/2026/TLST-DS ngày 03/3/2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP L** (tên gọi cũ: Ngân hàng TMCP B) (Viết tắt LPank); Địa chỉ trụ sở chính: Số 8, ngõ 1, đường T, phố 11 phường L, tỉnh B**;** Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K – Tổng Giám đốc**;** Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức Đ – TV. Ban điều hành kiêm Phó Giám đốc khối quản trị rủi ro phụ trách Phòng thu hồi nợ (Quyết định số 6903/2026/QĐ-LPank.DRC ngày 23/3/2026 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP L; Người nhận ủy quyền: Ông Ma Anh T, sinh năm 1994 – Chuyên viên thu hồi nợ (Văn bản ủy quyền số 10118/2026/UQN-LPank, ngày 12 tháng 5 năm 2026).

1.2 Bị đơn: Bà **Nguyễn Thu H**, sinh năm 1983; Ông **Nguyễn Viết T**, sinh năm 1981; Anh **Nguyễn Viết H**, sinh năm 2003; Địa chỉ thường trú: Xóm 5, thôn H, xã T, thành phố Hà Nội;

1.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Viết T2**, sinh năm 2007; Địa chỉ thường trú: Xóm 5, thôn H, xã T, thành phố Hà Nội;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Viết T và bà Nguyễn Thu H xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP L tính đến ngày 30/7/2026 theo Hợp đồng tín dụng số HDTD 1212021335 ngày 28/12/2021; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1212021335/01 ngày 29/12/2021; Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mã số thẻ

356587******8277 và 479973******6066 mở ngày 30/6/2023, tổng số tiền là **634.191.702** đồng**.** Cụ thể:

- Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD 1212021335 ngày 28/12/2021; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1212021335/01 ngày 29/12/2021. Tổng dư nợ tính đến ngày 30/7/2026 là 546.880.289 đồng. Trong đó, nợ gốc là 411.104.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 111.427.194 đồng; lãi quá hạn là 13.651.362 và lãi chậm trả lãi: 10.697.733 đồng.

-Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mã số thẻ 356587******8277 và 479973******6066 mở ngày 30/6/2023. Tổng dư nợ tính đến ngày 30/7/2026 là 87.311.413 đồng. Trong đó, nợ gốc là 46.746600 đồng; Nợ lãi là 40.332.373 đồng; nợ phí là 211.309 đồng; nợ thuế là 21.131 đồng.

2.2. Anh Nguyễn Viết H xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP L tính đến ngày 30/7/2026 theo Hợp đồng tín dụng số HDTD 121202461 ngày 25/4/2024; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 121202461/01 ngày 02/5/2024, tổng số tiền **687.680.243** đồng**.** Trong đó, nợ gốc là 569.557.178 đồng; Nợ lãi trong hạn là 97.578.768 đồng; lãi quá hạn là 12.909.746 và lãi chậm trả lãi: 7.634.551 đồng.

2.3. Phương thức thanh toán: Ông Nguyễn Viết T, bà Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Viết H có trách nhiệm phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP L theo lộ trình như sau:

+ Chậm nhất ngày 30/8/2026, ông Nguyễn Viết T và bà Nguyễn Thu H, anh Nguyễn Viết H thanh toán trả LBank 50.000.000 đồng. Trong đó: Ông Nguyễn Viết T và bà Nguyễn Thu H thanh toán 25.000.000 đồng; Anh Nguyễn Viết H thanh toán 25.000.000 đồng.

+ Chậm nhất ngày 30/9/2026, ông Nguyễn Viết T và bà Nguyễn Thu H, anh Nguyễn Viết H tất toán toàn bộ khoản vay.

2.4. Kể từ ngày 31/7/2026, Ông Nguyễn Viết T, bà Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Viết H vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD 1212021335 ngày 28/12/2021; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1212021335/01 ngày 29/12/2021; Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mã số thẻ 356587******8277 và 479973******6066 mở ngày 30/6/2023; Hợp đồng tín dụng số HDTD 121202461 ngày 25/4/2024; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 121202461/01 ngày 02/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.5. Trường hợp, Ông Nguyễn Viết T, bà Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Viết H vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại bất kỳ kỳ trả nợ nào theo cam kết tại mục 2.3 nêu trên thì Ngân hàng TMCP L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm của khoản vay là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 50A, tờ bản đồ số 04 tại địa chỉ: Xóm 5, thôn H, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội (nay là xóm 5, thôn H, xã T, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 176683, số vào sổ cấp GCN: 00046q/VB do UBND huyện T cấp ngày 17/03/2011 đứng tên ông Nguyễn Viết T (và bà Nguyễn Thu H) theo Hợp đồng

thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC1212021335 ngày 28/12/2021 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC121202461 ngày 25/4/2024 để thu hồi toàn bộ khoản vay.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Viết T và bà Nguyễn Thu H phải nộp 14.684.000 đồng (*Mười bốn triệu, sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Viết H phải nộp 15.754.000 đồng (*Mười lăm triệu, bẩy trăm năm nươi tư nghìn đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP L 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004602 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy T